

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PRÔNG
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/DS-ST

Ngày 22/5/2019

V/v Tranh chấp

Nghĩa vụ trả tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hồng Việt;

2. Ông Trương Công Chừ.

Thư ký phiên toà: Ông Hà Đức Quang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Lê Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai mở phiên toà sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý 23/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền", giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh G

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện C, tỉnh G.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Chị với bị đơn bà Huỳnh Thị Kim C là chỗ quen biết và có mối quan hệ làm ăn, mua bán hạt điều với nhau. Từ năm 2018 đến ngày 01/3/2019 nhiều lần bà C ứng tiền để mua hàng, mượn tiền và cân hạt điều của chị, sau khi nhiều lần cân hàng khấu trừ, bà C còn nợ lại chị số tiền 253.120.000đ. Chị nhiều lần gọi điện và đến nhà trực tiếp đòi nhưng bà C vẫn không chịu trả cho chị. Tại phiên hoà giải cũng như tại phiên toà chị công nhận bà C hiện tại còn nợ chị số tiền là 241.200.000đ chứ

không phải số tiền như trong đơn khởi kiện ban đầu. Nay chị yêu cầu bà C phải có nghĩa vụ trả cho chị số tiền 241.200.000đ trong một lần.

Bị đơn bà bà Huỳnh Thị Kim C trình bày: Bà với chị H trước đây thường xuyên mua bán, làm ăn với nhau. Trong quá trình làm ăn, bà có nhiều lần mượn, ứng tiền của chị H như chị H đã trình bày. Sau nhiều lần khấu trừ các xe hàng cũng như trả tiền, hiện tại bà có nợ tiền chị H số tiền là 241.200.000đ. Việc chị H kiện bà trả số tiền trên là đúng, nhiều lần chị H gọi điện và trực tiếp đến nhà bà để đòi tiền nhưng do làm ăn khó khăn, nhiều người nợ tiền của bà chưa trả nên bà chưa có tiền để trả cho chị H. Nay bà đề nghị chị H xem xét để bà có thời gian lấy nợ của người khác để trả cho chị, nếu chị H không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phát biểu quan điểm, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án.

Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các điều 143, 144, 147 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ các điều 274, 275, 276, 278, 280 Bộ luật dân sự năm 2015; căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 241.200.000đ cho nguyên đơn. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải chịu án phí và hoàn lại tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn chị H khởi kiện đòi bị đơn bà C trả số tiền nợ xuất phát từ các giao dịch và hợp đồng dân sự trước đó. Do vậy đây là tranh chấp về nghĩa vụ dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Từ năm 2018 đến ngày 01/3/2019 bà C với chị H có hợp đồng và giao dịch với nhau về việc mua bán hạt điều cũng như mượn, ứng tiền của nhau. Sau khi khấu trừ việc mua bán hàng hóa cũng như trả nợ, hai bên thống nhất: bà C còn phải trả cho chị H số tiền 241.200.000đ. Đây là nghĩa vụ dân sự trả nợ tiền của bà C đối với chị H phát sinh từ các giao dịch và hợp đồng dân sự trước đó theo quy định tại Điều 274 Bộ luật dân sự. Chị H đã nhiều lần yêu cầu bà C trả số tiền trên nhưng bà C vẫn không thực hiện, do vậy bà C đã vi phạm về nghĩa vụ trả tiền đối với chị H theo quy định tại Điều

278 và 280 Bộ luật dân sự, nên chị H khởi kiện yêu cầu bà C phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 241.200.000đ là có căn cứ pháp luật.

[3]. Về án phí: Căn cứ vào các điều 143, 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định là $241.200.000đ \times 5\% = 12.060.000đ$.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các điều 143, 144, 147 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 274, 275, 276, 278, 280 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Kim C phải trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 241.200.000đ (*hai trăm bốn mươi một triệu hai trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim C phải chịu 12.060.000đ (*mười hai triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị H toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.328.000đ (*sáu triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000173 ngày 15/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Chư Prông;
- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Chí Công